

XÃ HỘI HỌC VIỆT NAM: MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TRỊNH DUY LUÂN

Đời sống hiện thực: Thực tiễn phát triển Kinh tế - Xã hội của đất nước trong thời kỳ Đổi mới như là xuất phát điểm, nơi đặt hàng cho những nghiên cứu xã hội học.

Đời sống xã hội hiện thực của Việt Nam trong những thập niên vừa qua thật là sôi động với những biến đổi mạnh mẽ và nhanh chóng. Nhịp độ của những biến đổi cũng ngày càng gia tốc. Trong vòng 5 thập niên nửa sau thế kỷ, sự phát triển của đất nước đã được đánh dấu bằng những chu kỳ một thập niên cho những sự kiện - mốc lịch sử đáng kể. Đó thực sự là một hiện thực rộng lớn, sống động, đồng thời cũng là mảnh đất màu mỡ cho các nghiên cứu khoa học xã hội-nhân văn, đặc biệt là xã hội học. Thật may mắn là ngành xã hội học Việt Nam đã ra đời và trưởng thành từ trong lòng và song hành với những biến đổi kinh tế - xã hội này của đất nước gần 20 năm qua, ngay trước và sau thời điểm bắt đầu sự nghiệp Đổi mới toàn diện đất nước (1986). Nhờ vậy, chúng ta đã được vùng vẫy trong dòng chảy phát triển đầy sôi động của xã hội Việt Nam để từ đó, theo sát đời sống hiện thực trong các công trình nghiên cứu của mình.

Vấn đề là chúng ta đã làm được những gì để hỗ trợ cho thực tiễn đó và cho sự trưởng thành, phát triển của bản thân chuyên ngành xã hội học ở Việt Nam? Câu hỏi này được đặt ra vào năm 2000, năm bản lề bước vào thiên niên kỷ mới, đối với những người nghiên cứu xã hội học có thể xem là đúng lúc và tự nó đã mang nhiều ý nghĩa và sắc thái đặc biệt, như là một sự thúc dục, cổ vũ và những niềm hy vọng.

Lợi thế của xã hội học: Các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật và cách tiếp cận các vấn đề xã hội thực tế.

Trong giai đoạn đầu của sự phát triển, nhiều lần chúng ta đã quay lại, trần trở, tranh luận xung quanh vấn đề đối tượng của xã hội học. Vấn đề học thuật này chắc sẽ còn mãi, lâu dài với khoa học xã hội học, đặc biệt trong xu thế phát triển các nghiên cứu liên ngành hiện nay. Tuy nhiên, có lẽ ít tranh luận hơn, dễ đi đến thống nhất hơn khi các cuộc tranh luận chuyển sang bàn về tính khác biệt và lợi ích của các phương pháp mà xã hội học sử dụng để mô tả, phân tích, phát hiện và lý giải các vấn đề xã hội. Thực tiễn cho thấy các phương pháp, kỹ thuật và công cụ nghiên cứu xã hội học đã góp phần đem lại một phong cách, một sức sống mới cho một lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn bao gồm nhiều bộ môn khoa học xã hội. Đó chính là linh hồn và bản chất của tính thực chứng xã hội học, là logic thực nghiệm, quy nạp của các môn khoa học tự nhiên đầy sức thuyết phục.

Trước khi có xã hội học, trong khoa học xã hội người ta thường coi thống kê là một công cụ hùng mạnh để nhận thức thế giới xã hội hiện thực. Khi vừa xuất hiện, các phương pháp xã hội học đã ngay lập tức trở thành một công cụ hữu hiệu, không thể thiếu, bổ sung cho các phương pháp thống kê tính những công cụ đo lường động thái của quá trình và sự kiện, đem đến cho các số liệu thống kê những chiều cạnh mới, những giá trị và ý nghĩa mới. Đó là các khái niệm, chỉ báo được đo đếm để trả lời câu hỏi tại sao, nhằm lý giải các nguyên nhân của sự kiện, quá trình xã hội, để xác định những chỉ báo phản ánh chiều sâu của nhân cách, khuôn mẫu văn hóa - hành vi, những vị thế và tâm thế của cá nhân và các nhóm xã hội.

Với những thế mạnh về phương pháp và cách tiếp cận đối tượng nghiên cứu như vậy, xã hội học còn nhiều tiềm năng và hứa hẹn những khả năng tiếp tục thâm nhập sâu hơn vào những chiều cạnh đa dạng, phong phú và cũng rất nhạy cảm của sự phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Phương pháp luận và cách tiếp cận: Tăng cường các nghiên cứu cơ bản hoặc có tính định hướng cơ bản, các nghiên cứu xã hội học vĩ mô.

Trước hiện thực rộng lớn và đang biến đổi nhanh chóng của đất nước, xã hội học thực sự đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn. Những gì mà các nghiên cứu xã hội học đã làm được trong gần 2 thập niên vừa qua thật là đáng kể, đáng khích lệ. Tuy nhiên nếu quy chiếu theo những đòi hỏi thực tế, những nhu cầu giải đáp và hỗ trợ cho những cải cách và chuyển đổi mang tầm vĩ mô, thì các nghiên cứu xã hội học còn cần phải được chuẩn bị đầy đủ hơn, nâng cấp và đạt tới tầm mức và chất lượng cao hơn.

Về quy mô và tầm bao quát của các nghiên cứu, chúng ta còn thiếu những công trình mang tính tổng kết ở tầm quốc gia, vĩ mô, giúp trả lời trực tiếp những vấn đề nảy sinh trong quá trình lập chính sách và chỉ đạo thực hiện.

Về mặt học thuật, các nghiên cứu xã hội học còn đưa ra quá ít các sản phẩm cuối cùng (sách tổng kết hoặc khái quát lý luận, sách chuyên khảo, các số tạp chí chuyên đề,...) so với các sản phẩm trung gian (các báo cáo nghiên cứu, tham luận hội thảo, báo cáo tổng kết các dự án, các bộ dữ liệu và số liệu điều tra khảo sát định lượng và định tính đã được xử lý và phân tích cấp 1).

Về tổ chức nghiên cứu, sự phối hợp nghiên cứu liên ngành, tính tập trung trong chủ đề và cách tổ chức nghiên cứu còn chưa hiệu quả, cần được nâng cao hơn.

Kinh nghiệm cho thấy, giai đoạn đầu của sự hình thành và phát triển môn xã hội học thường tập trung vào những nghiên cứu định lượng, thực nghiệm được triển khai theo chiều rộng, như là các nghiên cứu thử nghiệm, dẫn đường. Ở Việt Nam, sự khi ra đời và phát triển của xã hội học cũng sát gần với thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước. Đó cũng là giai đoạn mà chúng ta phải chạy đua với các cơ hội, đáp ứng những nhu cầu thực tế cấp thiết, với nhiều nghiên cứu mang tính ứng dụng, các nghiên cứu trường hợp và các mảng nghiên cứu thuộc các dự án phát triển, riêng lẻ, bộ phận. Quá trình phát triển của một bộ môn khoa học, đến một lúc nào đó sẽ đòi hỏi những nhà nghiên cứu phải suy ngẫm lại và cần thiết có sự chuyển giai đoạn kịp thời: một giai đoạn phát triển mới, với các nghiên cứu có tính khái quát cao hơn, "có luận điểm", trên cơ sở lý luận, đặt ra, phát hiện được những vấn đề và tìm kiếm những lời giải đáp ở cấp độ vĩ mô.

Những nhiệm vụ nghiên cứu được thực hiện bằng các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp hàng năm thường được xem là bộ phận chính quy (phần "cứng") của các nghiên cứu xã hội học hiện nay. Mục tiêu và nhiệm vụ của các nghiên cứu này là phải phục vụ trực

tiếp cho những yêu cầu của các cơ quan hoạch định chính sách. Đó thường là các nghiên cứu ứng dụng đề cập tới những chủ đề mang tính thời sự về những biến đổi xã hội ở tầm vĩ mô, đồng thời cũng là các đề tài chứa đựng tiềm tàng những yếu tố của các nghiên cứu cơ bản, lý luận, hữu ích cho sự phát triển lâu dài của ngành xã hội học. Tuy nhiên, như đã nhận xét, những gì đã làm còn xa mới thực sự đáp ứng được mục tiêu và nhiệm vụ nói trên. Để tiếp tục phát triển và hoàn thiện, rất cần có những cách tiếp cận hay tầm nhìn rộng rãi hơn, những cách đặt vấn đề mới hơn và một phong cách nghiên cứu có chiều sâu khi vận dụng những cơ sở lý luận xã hội học hiện đại.

Trên thực tế, nhiều nhà nghiên cứu tâm huyết hiểu và mong muốn điều này. Song để thực hiện được mong muốn đó lại không mấy dễ dàng. Thị trường chất xám *informal* trong lĩnh vực này vẫn còn rộng mở và mời gọi đối với một số chuyên gia có tay nghề, với những dự án, hợp đồng, dịch vụ tư vấn khá hấp dẫn cả về nội dung công việc lẫn *per-diem*. Với một bộ phận khác thì do nhiều năm chỉ quen đứng ở một khâu quen thuộc (điền dã thực địa) trong dây chuyền quy trình gồm nhiều khâu của một nghiên cứu ứng dụng, tác nghiệp, họ đã không rèn luyện được khả năng làm việc ở những khâu then chốt nhất, nơi đặc biệt cần có những tri thức lý luận vững vàng của một nhà nghiên cứu độc lập, có khả năng bao quát và tính năng động cần thiết để triển khai hoặc điều hành toàn bộ nghiên cứu. Những nghiên cứu khái quát, vĩ mô, vì vậy, là một lĩnh vực rất khó khăn đối với họ.

Bởi vậy, có thể nói chúng ta đang đứng trước những đòi hỏi và những thách thức to lớn trong việc phát triển các nghiên cứu xã hội học theo những định hướng và phong cách mới.

Đã đến lúc cần có sự chuẩn bị, "xốc lại" đội ngũ, cập nhật thực sự những tri thức lý luận và phương pháp luận, và đặc biệt là khẳng định lại những phong cách và đường hướng triển khai các hoạt động nghiên cứu. Hơn lúc nào hết, chặng đường trước mặt của xã hội học đang rất cần một cỗ xe có động cơ khỏe, các đai ốc được xiết chặt, một đội ngũ những nhà nghiên cứu sẵn sàng gây dựng, phát triển nghề nghiệp của nhà xã hội học Việt Nam ngay trong thập niên đầu tiên của thiên niên kỷ này.

Bên cạnh đó, vẫn phải làm thế nào để "khéo kết hợp" các ý tưởng nghiên cứu cơ bản vào trong các nghiên cứu ứng dụng, tác nghiệp đầy hấp dẫn mà chúng ta cũng không thể hoàn toàn và dễ dàng khước từ. Đây chính là cái song đề (dilemma) phổ biến trong nhiều lĩnh vực và ngay trong suy nghĩ, lựa chọn của mỗi chúng ta. Cái gì sẽ được quyết chọn làm ưu tiên số 1? Điều này sẽ có ảnh hưởng trực tiếp tới "đầu ra", sản phẩm của một nhà nghiên cứu và của cả chuyên ngành.

NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Xuất phát từ những đòi hỏi thực tế của sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước hiện nay, với nhận thức thế mạnh và điểm yếu của mình, có thể đưa ra chủ đề nghiên cứu tổng quát bao trùm làm mục tiêu cho các nghiên cứu xã hội học trong thập niên sắp tới là: *nghiên cứu động thái của những biến đổi xã hội và văn hóa ở Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Chủ đề nghiên cứu tổng quát này có thể được triển khai thông qua những hướng nghiên cứu sau:

- **Những vấn đề lý thuyết của quá trình hiện đại hóa xã hội ở Việt Nam.**

Trong số 2 quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đang được chuẩn bị triển khai ở nước ta, khác với công nghiệp hóa, *hiện đại hóa* tỏ ra là một khái niệm còn khá mơ hồ do

chưa có được một định nghĩa với nội hàm xác định và được đa số thừa nhận. Công nghiệp hóa trước hết diễn ra trong lĩnh vực kinh tế - sản xuất, trong cơ sở vật chất của xã hội. Sau đó mới có liên hệ và tác động sang các lĩnh vực khác. Còn hiện đại hóa bắt đầu từ đâu: vật chất hay tinh thần, kinh tế, xã hội, văn hóa hay nhân cách, lối sống? Đây là thước đo của hiện đại hóa và tác động qua lại phức tạp của quá trình này với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội?

Công nghiệp hóa có tất yếu là một bộ phận, một mắt khâu của hiện đại hóa hay không? Cả trong trường hợp thực hành mô hình công nghiệp hóa tại chỗ, trên địa bàn nông thôn, với phương châm giải quyết việc làm tạo thu nhập, giảm nghèo đói, chứ không phải bằng công nghệ hiện đại để thay thế sức lao động, lúc đó công nghiệp hóa có đồng nghĩa với hiện đại hóa? Có rất nhiều câu hỏi như thế sẽ cần được trả lời từ nhiều góc độ, trong đó chắc chắn phải có câu trả lời của nhà xã hội học.

- **Cấu trúc xã hội và phân tầng xã hội trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.**

Khảng định và mô tả thực trạng phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo ở nước ta trong thời kỳ Đổi mới đã là một trọng tâm của các nghiên cứu xã hội học trong những năm vừa qua. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng: không phải cơ chế thị trường là nguyên nhân cuối cùng, duy nhất "đẩy tới" sự phân tầng xã hội như hiện nay. Phân tầng xã hội đã từng tồn tại cả trong thời kỳ trước đổi mới. Quá trình chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường đã tạo ra một môi trường kinh tế - xã hội quá độ đặc thù, chứa đựng nhiều yếu tố tác động trực tiếp và gián tiếp khiến cho phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo trở thành bột phát trong thập niên đầu tiên của Đổi mới. Chẳng hạn, đó là môi trường pháp lý chưa được hoàn thiện, là mảnh đất tốt cho sự thao túng pháp luật, sự liên kết quyền lực để đạt tới những quyền lợi kinh tế. Hoặc những khác biệt do lợi thế so sánh, vị thế đặc biệt (độc quyền) của một số ngành. Hoặc những khác biệt về tính năng động, sự chuẩn bị sẵn sàng của các cá nhân, các nhóm xã hội khác nhau khi bước vào kinh tế thị trường. Và nhiều yếu tố khác nữa. Các yếu tố này cũng tạo ra mức độ phân tầng xã hội khác nhau GIỮA các tầng lớp, nhóm xã hội; giữa nam và nữ; giữa nông thôn và đô thị, giữa các vùng- miền, giữa các ngành và TRONG mỗi bộ phận.

Gắn liền với vấn đề phân tầng xã hội là vấn đề quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Những phân tích lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của các nước trong khu vực cho thấy tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội không phải luôn luôn là những hiện tượng không tương dung. Vẫn có thể vừa có tăng trưởng cao vừa hạn chế gia tăng bất bình đẳng, thông qua các cách thức phân phối thành quả của tăng trưởng (xem "Tăng trưởng và Công bằng", Oxfam International). Việc giải quyết mối quan hệ này cần dựa trên nhiều yếu tố chi phối, đặc biệt là vai trò của các chính sách xã hội, ở cách thức, cơ chế và hiệu quả thực hiện sự phân phối thu nhập từ tăng trưởng.

Những nghiên cứu gần đây nhất cho thấy thực trạng của công bằng xã hội ở nước ta trong năm năm gần đây chưa có những đột biến: mức độ gia tăng bất bình đẳng chưa mạnh. Bằng chứng là hệ số Gini, phản ánh mức độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (được tính số liệu của hai cuộc điều tra mức sống VLSS 1993 và 1998), chỉ tăng nhẹ từ 0,33 lên 0,35 - gần ngang bằng với một số nước ở khu vực Đông Nam Á (xem "Tấn công nghèo đói", Ngân hàng thế giới). Đặc biệt là nhận định về mức độ bất bình đẳng xã hội hiện nay ở nước ta chủ yếu là do mức độ bất bình đẳng cao giữa đô thị và nông thôn tạo ra. Vì vậy sự tập trung cho

nông thôn, giải quyết việc làm phi nông nghiệp cho cư dân nông thôn phải chăng là điểm mấu chốt của công cuộc giảm nghèo và khắc phục bất bình đẳng xã hội trong tăng trưởng hiện nay? Và điều này sẽ có liên hệ trực tiếp với đường lối công nghiệp hóa và hiện đại hóa vừa nói tới ở trên.

Ngoài những nhận định và những vấn đề vừa nêu, một số giả thuyết khác cũng cần được kiểm định như:

- ◆ Phân tầng xã hội và bất bình đẳng trong thời gian tới sẽ tiếp tục gia tăng nhưng với tốc độ chậm hơn trước do những điều kiện để cho những "bùng nổ", với tốc độ tăng trưởng cao không còn. Nền kinh tế cần có những động lực mới để giữ tốc độ tăng trưởng cao.
- ◆ Liệu có thể tìm thấy những động lực mới trong việc *tiếp tục các biện pháp "cởi trói" mới về cơ chế và thể chế* trong tiến trình Đổi mới, để kích hoạt tính năng động hơn nữa toàn bộ đời sống kinh tế và xã hội nói chung?
- ◆ Trong lĩnh vực văn hóa xã hội, sự phân tầng xã hội có kích thích hình thành một tầng lớp vượt trội - tầng lớp trung lưu mới ở đô thị hay tầng lớp khá giả ở nông thôn? Nếu có thì chúng có vai trò tích cực hoặc tiêu cực nào trong tiến trình phát triển sắp tới?
- ◆ Cuối cùng, trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền, những biến chuyển trên bình diện pháp lý- thể chế cũng rất đáng được xem xét. Đó là những chuyển biến trong quá trình hoàn thiện môi trường pháp lý và tác động của quá trình này tới các nhóm xã hội theo hướng củng cố và hoàn thiện cơ chế quản lý xã hội bằng pháp luật.
- **Tác động của công nghiệp hóa và hiện đại hóa tới thiết chế gia đình: sự thích ứng và hình thành những chiến lược sống mới.**

Sau hơn 10 năm đổi mới, gia đình với tư cách một thiết chế xã hội đã trải qua những biến đổi đáng kể. Với việc giành lại vai trò là đơn vị kinh tế - sản xuất, các hộ gia đình đang phải thích ứng với những điều kiện mới. Trong bối cảnh rộng lớn hơn, gia đình và các cộng đồng nông thôn và đô thị đang đứng trước những cơ hội và thách thức to lớn dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, của quá trình hội nhập khu vực và xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

Những nghiên cứu gần đây cho thấy dường như các cá nhân và gia đình nông thôn Việt Nam đang cấu trúc lại chiến lược sống của họ nhằm bảo đảm và phát triển phúc lợi cá nhân và gia đình trong điều kiện mới. Sự thay đổi chiến lược sống này được biểu hiện qua những thay đổi trong phân công lao động gia đình, trong các quan hệ kinh tế giữa các thành viên trong gia đình và họ tộc, và trong các quan hệ của các đơn vị kinh tế (thường là hộ gia đình) với nhau. Những biểu hiện khác có thể thấy trong cơ cấu đầu tư vào các hoạt động kinh tế, đầu tư vào nguồn nhân lực gia đình, sự thay đổi luồng của cải giữa các thế hệ và giữa các thành viên trong cùng một thế hệ, cơ cấu sử dụng thời gian, v.v... Với chủ đề này, một vài câu hỏi nghiên cứu có thể được đặt ra như:

- ◆ Những quan hệ gia đình (và rộng hơn là các quan hệ thân tộc) đang biến đổi như thế nào?
- ◆ Những chiến lược sống của họ trong giai đoạn này là gì và đang thay đổi như thế nào? Chúng có liên hệ gì tới quá trình công nghiệp hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay và trong tương lai?

- ◆ Cụ thể hơn, những nhân tố nào trong các quan hệ và những chiến lược sống mới *hỗ trợ cho quá trình công nghiệp hóa và phát triển?* Những nhân tố nào *cản trở quá trình công nghiệp hóa và phát triển?* Vai trò của các nhân tố này là như thế nào ở những địa phương, vùng miền khác nhau của đất nước?
- ◆ Cuối cùng, những biến đổi đang diễn trong các gia đình và cộng đồng nông thôn hiện nay có quan hệ như thế nào với *quá trình hòa nhập của Việt Nam vào cộng đồng khu vực và thế giới* về các phương diện kinh tế, công nghệ, xã hội, và văn hóa?
- **Những vấn đề xã hội học của đời sống kinh tế và nguồn nhân lực.**

Trong số nhiều vấn đề thực tế đang nổi lên trong lĩnh vực này, đáng lưu ý tới chủ đề *Quan hệ xã hội trong các xí nghiệp công nghiệp liên doanh trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế/khu vực ở nước ta hiện nay.*

Chính sách đổi mới và mở cửa hơn 10 năm qua đã hình thành nhiều loại hình xí nghiệp công nghiệp mới: Doanh nghiệp Tư nhân, Liên doanh với nước ngoài (với các mức độ khác nhau), các Doanh nghiệp đã được cổ phần hóa,... Kèm theo đó là các vấn đề xã hội mới, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Chẳng hạn, những khác biệt văn hóa nảy sinh trong quá trình hoạt động, sự hòa nhập và thích ứng với môi trường, điều kiện và phong cách làm việc mới của công nhân Việt Nam, quan hệ giữa đối tác Việt Nam và đối tác nước ngoài, giữa công nhân Việt Nam và chủ đầu tư nước ngoài; tổ chức công đoàn và vai trò hoạt động của nó trong các xí nghiệp liên doanh, vấn đề quyền của nữ công nhân,... Tất cả những vấn đề loại này đang lần lượt xuất hiện, thu hút sự chú ý của giới quản lý và dư luận xã hội. Song nghiên cứu tìm hiểu về chúng một cách đầy đủ và khoa học thì mới chỉ bắt đầu.

Công nghiệp hóa ở Việt Nam đã và sẽ tiếp tục diễn ra cùng với chính sách "mở cửa" và trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa. Nghiên cứu những chủ đề nói trên đối với các xí nghiệp công nghiệp liên doanh (với đối chứng là các loại doanh nghiệp khác) chắc chắn sẽ hỗ trợ cho việc quản lý và thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa và mở cửa hội nhập của Việt Nam.

- **Xã hội học về đời sống hàng ngày trong biến đổi xã hội và văn hóa.**

Trong số nhiều vấn đề có thể đặt ra trong khuôn khổ của chủ đề này, có một vấn đề mang nhiều nét đặc trưng của tâm lý xã hội trong giai đoạn quá độ tới kinh tế thị trường. Đó là tâm lý *ưu tiên bảo đảm sự an toàn* (safety first) cho đời sống cá nhân như là một *nguyên tắc sống* và ảnh hưởng của nó tới sự thích ứng với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam.

Mặc dù sau hơn 10 năm đổi mới, tâm lý quen được bao cấp về cơ bản đã được khắc phục trong đời sống xã hội, song trong tâm lý người dân thành thị cũng như nông thôn, những tàn tích của tâm lý này vẫn còn dai dẳng tồn tại. Ở nông thôn, nhiều nông dân vẫn còn nuôi tiếc mô hình hợp tác xã, bởi vì hợp tác xã trước đây thường đảm bảo cho họ có mức sống ổn định tối thiểu, ngay cả khi họ gặp những khó khăn về mùa vụ, thiên tai, tiêu thụ sản phẩm. Ở thành phố, một bộ phận người lao động vẫn còn muốn được làm việc ở các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước với thu nhập thấp hơn thay vì làm việc ở các doanh nghiệp tư nhân hay liên doanh với thu nhập cao hơn. Lý do là ở sự ổn định của thu nhập. Đường như có một tâm lý

chấp nhận thu nhập thấp song ổn định hơn là thu nhập cao hơn, nhưng với nhiều mạo hiểm, rủi ro.

Tâm lý này thường thấy ở những nền kinh tế sinh tồn (subsistence economy), nơi mà người ta còn phải vật lộn hàng ngày để khỏi bị rơi vào nhóm nghèo đói. Trong điều kiện như vậy, chủ thể của nền kinh tế này thường không phải là những người duy lý, gắng phát huy mọi khả năng để thu lợi nhuận tối đa từ những phương án hành động có thể có. Trái lại, do đời sống quá bấp bênh, họ thường nhấn mạnh và chọn cách làm nào đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tránh mọi rủi ro có thể có. Luận điểm này đúng đến mức nào ở Việt Nam hiện nay? Những nhóm xã hội nào thực hành nguyên tắc sống nói trên và điều này có ảnh hưởng gì tới quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước? Bài học gì có thể rút ra cho các nhà quản lý, cả trong nông nghiệp và công nghiệp, cả ở nông thôn và thành thị? Trả lời được các câu hỏi này có thể là một đóng góp có giá trị cả về lý luận và thực tiễn cho việc quản lý quá trình phát triển, công nghiệp hóa và hiện đại hóa Việt Nam trong tương lai.

- **Biến đổi hệ thống phúc lợi xã hội trong thời kỳ quá độ.**

Trong hơn 10 năm Đổi mới, hệ thống phúc lợi xã hội ở nước ta đã có nhiều thay đổi để thích ứng với quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường, đóng vai trò như là những "đệm đỡ" cho những "cú sốc" thị trường. Tuy nhiên những sự thay đổi trong các chính sách xã hội cũng như của hệ thống phúc lợi xã hội nói chung dường như còn mang tính cục bộ, ứng phó với các tình thế trước mắt. Nó mới chỉ giúp cho việc khắc phục kịp thời những bất cập đe dọa sự ổn định xã hội trong bối cảnh chuyển đổi tới kinh tế thị trường. Về lâu dài, cần xác định ở tầm mô hình vĩ mô, một hệ thống phúc lợi xã hội tương ứng với đường lối phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời bằng việc đó, góp phần khẳng định bản chất xã hội chủ nghĩa của mô hình phát triển xã hội mà chúng ta đang theo đuổi. Đó là một vấn đề xã hội rất lớn mà các nghiên cứu xã hội học trong lĩnh vực này có thể tham gia tìm tòi từ những biến đổi hiện tại, chỉ ra những cơ sở lý luận và thực tiễn và giúp cho việc xác lập chính mô hình hệ thống phúc lợi xã hội nói trên ở nước ta trong thời gian tới.

- **Vai trò của truyền thông đại chúng và dư luận xã hội.**

Thông tin và truyền thông đại chúng đóng vai trò ngày càng quan trọng trong xã hội hiện đại. Nhận định này cũng rất đúng với xã hội Việt Nam đang bước vào kinh tế thị trường, công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Thông tin và các phương tiện truyền thông đại chúng đang tác động hàng ngày hàng giờ vào các tầng lớp công chúng khác nhau. "Sức nặng" và vai trò *dẫn dắt tình cảm, tư tưởng* của công chúng bởi các kênh truyền thông là như thế nào? Sự tiếp nhận thông tin của các nhóm công chúng khác nhau ở đô thị và nông thôn có những đặc trưng gì? Con đường hình thành dư luận xã hội về những chủ đề nhất định trong công chúng có quan hệ qua lại như thế nào với nội dung thông tin, các kênh truyền tải? Đó là một số câu hỏi mà các nghiên cứu xã hội học có thể tham gia tìm câu trả lời có ý nghĩa và giá trị xã hội.

- **Động thái dân số trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**

Tiến trình Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước gắn liền với những biến đổi và dịch chuyển của các lực lượng dân cư và lao động trong cả nước, ở khắp các vùng miền. Những vấn đề về di dân tự phát nông thôn - đô thị, những đặc trưng về số lượng và chất lượng của nhóm người nhập cư cùng với những vấn đề xã hội của họ như tái định cư, hoà

nhập vào các cộng đồng mới,... trong quá trình phát triển đều là những chủ đề rất cần được nghiên cứu và làm sáng tỏ.

Chẳng hạn, một số câu hỏi có thể được đặt ra trong vấn đề này là: Quá trình và xu hướng xuất cư lao động khỏi khu vực nông thôn từ khi có chính sách Đổi Mới cho đến nay diễn ra như thế nào? Những điều kiện và nhân tố quyết định di cư ở cấp độ cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng là gì? Đặc trưng và các nhân tố này có tác động như thế nào đến cơ cấu giới (lao động nữ và nam) của những người di cư và không di cư ở nông thôn hiện nay là gì?

Một cách tiếp cận khác, chẳng hạn, nghiên cứu đầu đi hay đầu đến của quá trình di dân. Cho đến nay, một số nghiên cứu về di dân ở Việt Nam gần đây hầu hết chỉ đề cập tới những vấn đề phát sinh tại nơi đến, tức là các địa bàn nhập cư. Khu vực nông thôn, điểm xuất phát của các dòng di dân và các nguyên nhân di cư cho đến nay vẫn chưa được tìm hiểu đầy đủ. Trong tình hình như vậy, việc nghiên cứu các nhân tố quyết định việc xuất cư của lao động nông thôn có thể đóng góp những luận chứng khoa học cho các chính sách lao động, việc làm, xoá đói giảm nghèo và phát triển nông thôn. Đồng thời nghiên cứu cũng có thể góp phần phát triển một Lý thuyết về di dân và phát triển đối với một xã hội đang chuyển đổi theo định hướng thị trường như xã hội Việt Nam hiện nay.

- **Các vấn đề xã hội học của sức khỏe dân cư và hệ thống chăm sóc sức khỏe.**

Hệ thống chăm sóc sức khỏe là một thiết chế xã hội cũng đang chịu sự tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường hiện nay. Nghiên cứu xã hội học về sức khỏe dân cư và những biến đổi trong hệ thống chăm sóc sức khỏe ở Việt Nam bao gồm cả những vấn đề lâu dài và những vấn đề mang tính thời sự, cấp bách.

Những vấn đề cơ bản có thể bao gồm: 1) Vai trò của hệ thống y tế nhà nước và y tế tư nhân trong việc chăm sóc sức khỏe dân cư; 2) Hành vi chăm sóc sức khỏe của các nhóm xã hội và những yếu tố quy định các khuôn mẫu hành vi đó.

Những vấn đề mang tính thời sự có thể kể đến: 1) Sức khỏe sinh sản của thanh thiếu niên; Khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của các nhóm đặc thù như dân di cư, phụ nữ không có gia đình, của các nhóm thiệt thòi như người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số; 2) Những vấn đề xã hội của việc giáo dục giới tính và tình dục cho thanh thiếu niên; 3) Các vấn đề xã hội trong việc chăm sóc người nhiễm HIV/AIDS.

- **Xã hội học và vấn đề Phát triển bền vững về xã hội.**

Phát triển bền vững là một khái niệm mang tính học thuật khá phức tạp, đã và vẫn còn đang gây nhiều tranh luận, dẫn đến có rất nhiều định nghĩa. Song có một điều chắc chắn: đó là một khái niệm bao chứa nhiều chiều cạnh, thành tố hợp thành. Người ta đã nói tới ít nhất 5 thành tố như vậy: bền vững về môi trường (rộng hơn, bền vững về sinh thái), bền vững về kinh tế, về chính trị, về dân số và bền vững về xã hội (văn hóa). Những ý định kết hợp tất cả các thành tố này trong một định nghĩa, thường phải chấp nhận một sự nhượng bộ hoặc đánh đổi nào đó về vai trò của các yếu tố đó trên thực tế.

Nhấn mạnh khía cạnh môi trường - sinh thái của phát triển bền vững, trong báo cáo của Ủy ban Toàn cầu về Môi trường và Phát triển (World Commission on Environment and Development WCED, 1987), mục tiêu của phát triển bền vững đã được tuyên bố là: "*đáp ứng*

những nhu cầu của các thế hệ hôm nay mà không gây hại đến khả năng thoả mãn những nhu cầu của các thế hệ tương lai".

Mục tiêu cuối cùng mang tính khái quát hơn của phát triển bền vững lại mang tính xã hội và nhân văn, như được nêu trong Hiến chương của Liên Hợp Quốc về Quyền Con người. Đó là "đảm bảo cho mỗi người quyền có được những điều kiện sống thích hợp cho sức khoẻ và phúc lợi bao gồm đồ ăn, quần áo, nhà ở, y tế và các dịch vụ xã hội cần thiết khác".

Về cơ bản, phát triển bền vững về xã hội có cốt lõi nằm ở việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội, phát triển con người. Tuy nhiên, ngay cả với một cách hiểu rất giản lược như vậy thì sự phát triển bền vững về mặt xã hội vẫn còn là một chủ đề lớn và phức tạp. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, để đảm bảo những điều kiện cho sự phát triển bền vững về mặt xã hội, bên cạnh việc tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng về kinh tế, bảo vệ môi trường, có những quá trình và những yếu tố xã hội cần được chú ý xem xét đúng mức, chẳng hạn:

- Hệ thống các chính sách cần thiết đầu tư cho con người, thúc đẩy phát triển con người, bảo đảm các nhu cầu cơ bản trong cuộc sống của họ.
- Bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Khắc phục các bất bình đẳng xã hội.
- Cải thiện điều kiện sống của nhóm người nghèo, đặc biệt đối với các nhóm xã hội nhạy cảm, dễ bị tổn thương.
- Huy động sự tham gia rộng rãi và có hiệu quả của cộng đồng và mọi người dân vào quá trình phát triển.
- Tăng cường về mặt thể chế các quá trình địa phương của xã hội dân sự.

Đây cũng là những chủ đề khá quen thuộc trong xã hội học, và cần được tiếp tục nghiên cứu ở những chiều cạnh mới.

Sau hết, tất cả những định hướng nghiên cứu trên đây, dù kết quả thực hiện được ở mức tối đa hay tối thiểu, đều phải đóng vai trò xã hội đích thực của nó: phục vụ cho những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao phó và yêu cầu. Bên cạnh những công trình mang tính học thuật, các kết quả nghiên cứu xã hội học phải được kết tinh trong những Báo cáo chuyên đề về *Những vấn đề xã hội cấp bách*, hay tiến tới là các *Báo cáo Xã hội* hàng năm, phục vụ cho những hoạt động hoạch định chính sách quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Đảng và Nhà nước hiện nay.

TẬP HỢP LỰC LƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI

Để thực hiện được những định hướng và mục tiêu nghiên cứu kể trên, không thể thiếu một sự tập hợp lực lượng và tổ chức triển khai thống nhất. Trước hết cần có sự tập trung các chủ đề nghiên cứu, hướng tới phục vụ cho các nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất trong những năm sắp tới.

Như là một nhiệm vụ chính trị tập trung nhất, như trên đã nói, các nghiên cứu xã hội học trước hết phải chuẩn bị được những báo cáo chuyên đề về Những vấn đề xã hội cấp bách hiện nay theo từng mảng nghiên cứu chuyên sâu. Về lâu dài, những Báo cáo Xã hội hàng năm sẽ là sản phẩm đáng mong đợi và cần phải đạt tới để khẳng định vai trò và sự đóng góp

tích cực của các nghiên cứu xã hội học trong hoạt động quản lý sự phát triển kinh tế và xã hội của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh đó, một môi trường thuận lợi cũng cần được tiếp tục mở ra để tập hợp lực lượng cho các hoạt động mang tính học thuật.

Về lực lượng nghiên cứu và đào tạo xã hội học hiện nay, ngoài Viện Xã hội học tại Hà Nội, và một bộ phận của Viện Khoa học Xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh (thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia), như là những đơn vị nghiên cứu chuyên ngành, ở Việt Nam hiện nay đã có nhiều cơ sở đào tạo chính quy cấp đại học và trên đại học về xã hội học như: các Khoa Xã hội học thuộc Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Xã hội học và Khoa Xã hội học thuộc Phân viện Báo chí - Tuyên truyền (Học Viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh), Khoa Xã hội học thuộc Đại học Công đoàn, Ban nghiên cứu Xã hội học Quân sự (Viện Khoa học xã hội và Nhân văn Quân sự, Bộ Quốc phòng), cùng với một số cán bộ giảng dạy xã hội học thuộc các Khoa hoặc Trung tâm khác nhau của các trường Đại học Huế, Đại học Đà Lạt, Đại học Thái Nguyên,....

Đối với các đơn vị nghiên cứu chuyên ngành, nguồn kinh phí nhà nước cấp cho các nghiên cứu cơ bản về xã hội học tuy có được chú ý song vẫn còn khá hạn hẹp. Trong khi đó, các tổ chức tài trợ trong và ngoài nước lại chỉ chú ý hỗ trợ cho những nghiên cứu ứng dụng. Sau khi hoàn thành các nghiên cứu này (mà sản phẩm cuối cùng là các báo cáo khoa học), việc tiếp tục khai thác và phân tích sâu hơn các nguồn dữ liệu thu được (thường rất phong phú và có giá trị) đã không được chú ý. Điều này là một sự lãng phí lớn và về lâu dài sẽ hạn chế hiệu quả đóng góp của các nghiên cứu xã hội học để giải quyết những vấn đề thực tiễn, cũng như hạn chế tiềm năng phát triển của bản thân môn xã hội học ở Việt Nam.

Đối với các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học, nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu lại còn ít ỏi hơn nhiều. Đội ngũ các giảng viên, do phải tập trung thực hiện nhiệm vụ chính là giảng dạy, còn rất ít thời gian dành cho nghiên cứu. Việc phối kết hợp giữa nghiên cứu và giảng dạy môn xã hội học, vì vậy, cho dù là một vấn đề cần kíp (và có được nhắc đến), song nhìn chung hãy còn bị bỏ ngỏ.

Bên cạnh đó, những hoạt động nhằm phổ biến kết quả và kinh nghiệm nghiên cứu đã đạt được trong giới nghiên cứu xã hội học, giữa các đơn vị nghiên cứu với các cơ sở đào tạo xã hội học và các cơ quan làm chính sách cũng chưa được chú ý. Tình hình này đã không đáp ứng đầy đủ *nhu cầu thường xuyên* về tiếp cận, cập nhật và trao đổi thông tin khoa học giữa các nhà nghiên cứu xã hội học, cũng như chưa thu hút được sự tham gia đồng đẳng các nhà nghiên cứu, các nhà lập chính sách, các giảng viên, đặc biệt là các nghiên cứu viên, giảng viên trẻ và sinh viên.

Để khắc phục những hạn chế nói trên, và nhằm tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho việc tiếp tục phát triển bộ môn xã hội học ở Việt Nam trong thời gian tới, ít nhất hai hoạt động sau đây rất cần được xúc tiến triển khai :

1. Tổ chức các seminar định kỳ, nhằm tập hợp lực lượng, thu hút sự đóng góp trí tuệ của các nhà nghiên cứu xã hội học thuộc các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác nhau, tạo ra một diễn đàn khoa học chung, thường xuyên, đủ rộng và mở cho giới nghiên cứu và giảng dạy xã hội học. Về lâu dài, hoạt động này có thể đóng vai trò là cơ sở cho việc hình thành một tổ chức Hiệp Hội của các nhà xã hội học chuyên nghiệp Việt Nam trong tương lai.

Chủ đề của các seminar có thể là những kết quả nghiên cứu mới có giá trị về thực tiễn, lý luận và phương pháp; các lý thuyết mới; những vấn đề về phương pháp nghiên cứu xã hội học đang được vận dụng ở Việt Nam; phát triển các hướng nghiên cứu mới, nghiên cứu liên ngành, v.v....

Mỗi seminar có một báo cáo chính được tiếp nối bằng những trao đổi thảo luận giữa báo cáo viên và những người tham dự. Để tăng cường tính liên ngành, sẽ thu hút cả các nhà nghiên cứu thuộc các ngành giáp ranh với xã hội học (như dân tộc học, kinh tế học, nghiên cứu về giới, các nhà nghiên cứu văn hóa,...) cùng tham gia các seminar này. Các học giả nước ngoài đang làm việc ở Việt Nam cũng có thể tham gia và đóng góp vào Chương trình seminar, kể cả tham gia với tư cách báo cáo viên. Các sinh viên đại học và sau đại học (Việt Nam và nước ngoài) đều được hoan nghênh và khuyến khích tham dự. Tất cả các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về xã hội học có quan tâm đều có thể tham gia và cùng nhau phối hợp tổ chức Chương trình seminar này.

Các báo cáo và thảo luận có thể được biên tập và công bố trên Tạp chí Xã hội học hoặc dưới dạng các báo cáo chuyên đề, có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc nghiên cứu và giảng dạy xã hội học.

2. Khai thác và liên kết những nghiên cứu ứng dụng đã tích lũy được trong những năm qua dưới dạng khái quát hóa thành các vấn đề có tầm lý thuyết cao hơn. Đánh giá, rút kinh nghiệm về các nghiên cứu này (về cách tiếp cận, quy trình nghiên cứu, phương pháp tiến hành, các kết quả, phát hiện từ nghiên cứu...), góp phần kích thích và phát triển các nghiên cứu cơ bản về xã hội học ở Việt Nam.

Việc tổng kết và khái quát hóa các kết quả nghiên cứu hiện có (không phân biệt các nghiên cứu theo kế hoạch được giao hay các nghiên cứu dự án, đề tài dịch vụ, tư vấn với bên ngoài) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận lẫn thực hành. Trước khi đi vào xử lý và phân tích thứ cấp các dữ liệu nghiên cứu hiện có, sẽ có sự đánh giá lại các nguồn dữ liệu này. Đặc biệt lưu ý khai thác bộ số liệu của các cuộc Điều tra mức sống Việt Nam (VLSS 1993, 1998), là những dữ liệu rất phong phú về nội dung, chuẩn tắc về phương pháp triển khai thu thập (tiêu chuẩn quốc tế). Tiếp đến là những dữ liệu từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999 trên quy mô toàn quốc, với giá trị pháp lý chính thức cho cả một thập niên.

Để đảm bảo tính chất cơ bản, có cái mới cả trong nghiên cứu khái quát hóa cao hơn hoặc đi sâu hơn vào một vài khía cạnh mà nghiên cứu gốc chưa đề cập tới, các nghiên cứu loại này cần phải tham khảo các tài liệu nước ngoài để bổ sung phần lý thuyết và phương pháp luận, các cách tiếp cận và những quan điểm mới có liên quan đến chủ đề nghiên cứu được chọn.

Kết quả các nghiên cứu này, đến lượt nó, lại có thể được trình bày tại các seminar khoa học định kỳ. Sau đó có thể sẽ được lựa chọn để công bố, xuất bản để giới thiệu với giới khoa học xã hội trong và ngoài nước và sử dụng trong giảng dạy môn xã hội học ở các bậc học khác nhau. Cũng từ các hoạt động này, cần khuyến khích việc chuẩn bị và xuất bản nhiều hơn các cuốn sách lý luận, phương pháp luận và hệ phương pháp nghiên cứu xã hội học với những nội dung đã được cập nhật, phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo và nghiên cứu xã hội học trong giai đoạn hiện nay.

Hai loại hoạt động nói trên đã được Viện Xã hội học khởi động tiến hành trong thời gian gần đây và đã bắt đầu thu hút sự chú ý và tham gia của một số giới có quan tâm. Bên cạnh đó, những hoạt động phối hợp với Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội để tổ chức các Hội thảo khoa học quy mô toàn quốc về chủ đề kết hợp giữa đào tạo và nghiên cứu xã hội học cũng sẽ được tiến hành. Đây cũng là một hoạt động phối hợp, góp phần liên kết và củng cố lực lượng nghiên cứu và đào tạo xã hội học ở Việt Nam trong thời gian tới.

Những năm 2000 đầu tiên đang mở ra cho lĩnh vực nghiên cứu xã hội học những vận hội mới. Chúng ta có thể làm được gì để tiếp tục phát triển bộ môn khoa học này? Hy vọng đó sẽ là câu hỏi mà mỗi nhà nghiên cứu tâm huyết với Xã hội học sẽ thường xuyên tự vấn, xuất phát từ những quan tâm, và từ góc nhìn chuyên ngành cũng như đa ngành của mỗi người.

Không tự huyễn hoặc mình về những gì đã đạt được và hiện có, chúng ta không có quyền dừng lại, tự hài lòng với chính mình. Trái lại, cần tự đòi hỏi những nỗ lực, phấn đấu nhiều hơn, mạnh hơn theo những đòi hỏi của thực tiễn và lý luận khoa học. Đó là cách duy nhất để tự khẳng định, tự hoàn thiện và phát triển đối với mỗi nhà nghiên cứu cũng như đối với toàn bộ một ngành khoa học xã hội học trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Xã hội học (5/1999): *Những định hướng nghiên cứu chủ yếu của Viện Xã hội học đến năm 2010.*
2. Viện Xã hội học. (12/1999): *Báo cáo Tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học năm 1999.*
3. Viện Xã hội học. (2/2000). *Đề cương Dự án Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu xã hội học do Quỹ Ford tài trợ.*
4. Vũ Mạnh Lợi, Phạm Văn Bích, Vũ Tuấn Huy, Tôn Thiện Chiếu (10/1999): *Đề cương Dự án nghiên cứu (bao gồm 3 chủ đề) do Viện Xã hội học đề xuất, thuộc Chương trình hợp tác Việt Nam-Thụy Điển về Khoa học Xã hội 1999-2003.*
5. Bùi Thế Cường (1/1999): *Đề cương đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 1999-2000 của Viện Xã hội học*
6. Mai Quỳnh Nam (1/1999): *Đề cương đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 1999-2000 của Viện Xã hội học*
7. Ngân Hàng Thế giới (12/1999). *Việt Nam: Tấn công nghèo đói. Báo cáo Phát triển của Việt Nam năm 2000.*
8. Oxfam International. (9/1997): *Tăng trưởng với công bằng: Chương trình thảo luận về chủ đề xoá đói giảm nghèo.*